

Hấp thụ công nghệ qua đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam: điều kiện từ phía Nhà nước và doanh nghiệp

TRINH MINH TÂM

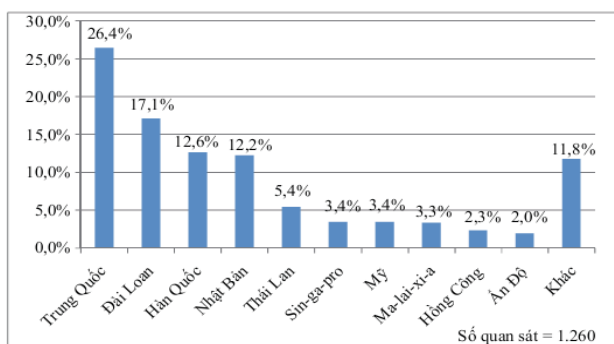
Viện Đánh giá khoa học và Định giá công nghệ, Bộ Khoa học và Công nghệ

Bên cạnh tác động trực tiếp tới tăng trưởng kinh tế, sự có mặt của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) cũng thúc đẩy quá trình phổ biến và chuyển giao công nghệ. Đối với doanh nghiệp trong nước, để vượt qua những yếu kém về công nghệ, thường có xu hướng muốn áp dụng ngay công nghệ tiên tiến hoặc trực tiếp thông qua thành lập các liên doanh với đối tác nước ngoài, hoặc gián tiếp thông qua phổ biến và chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, vấn đề đặt ra với các nước nghèo là liệu các điều kiện trong nước có đủ để đón nhận, phổ biến và chuyển giao công nghệ hay không. Nhiều kết quả nghiên cứu cũng rút ra rằng, mức độ phổ biến và chuyển giao công nghệ còn phụ thuộc vào khả năng hấp thụ của các doanh nghiệp trong nước.

Thực trạng năng lực thu hút và hấp thụ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam

Hạn chế của kênh liên kết sản xuất

Liên kết sản xuất là kênh quan trọng tạo ra tác động lan tỏa và hấp thụ công nghệ từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước. Theo kinh nghiệm của một số nước, tác động lan tỏa và hấp thụ công nghệ tích cực nhất là thông qua các hợp đồng sản xuất linh kiện, phụ kiện phụ trợ mà các doanh nghiệp FDI đặt hàng cho các doanh nghiệp trong nước.

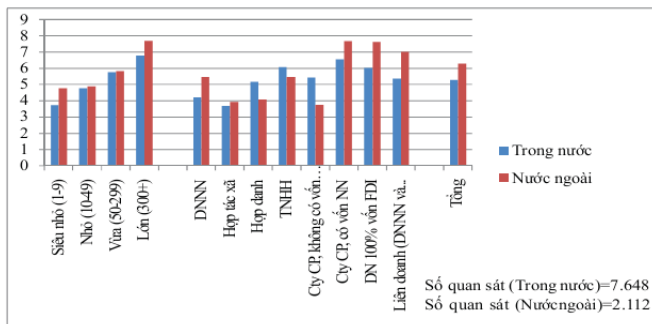


Hình 1: các nước/vùng lãnh thổ cung cấp đầu vào nhập khẩu quan trọng nhất

(nguồn: kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2013 của Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương - CIEM)

Hình 1 cho thấy, nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào (bao gồm cả nguyên liệu thô và sản phẩm trung gian) cho các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu đến từ các nước châu Á mà Trung Quốc là nước cung cấp lớn nhất (chiếm 26,4%). Kết quả này cũng không ngạc nhiên bởi Trung Quốc là nguồn cung cấp đầu vào giá rẻ. Tuy nhiên, thực trạng trên cũng thể hiện sự liên kết sản xuất lỏng lẻo giữa các doanh nghiệp FDI với các doanh nghiệp trong nước trong việc cung cấp nguồn nguyên liệu đầu vào, và điều này cũng sẽ hạn chế tác động lan tỏa và hấp thụ công nghệ từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước.

Thời hạn của hợp đồng với nhà cung cấp cũng thể hiện mối tương quan với sự tồn tại kênh liên kết sản xuất. Hình 2 cho thấy, tất cả các hợp đồng đều có thời hạn trung bình thấp hơn 12 tháng. Xét riêng trong khu vực doanh nghiệp FDI cho thấy, hợp đồng của các doanh nghiệp FDI với đối tác nhà cung cấp nước ngoài cao hơn so với đối tác nhà cung cấp trong nước. Hợp đồng ngắn như vậy sẽ hạn chế những lợi ích mà doanh nghiệp trong nước có thể có được nhờ các tác động lan tỏa, không đủ thời gian cần thiết để tạo lập mối quan hệ tốt trong công việc, và đây cũng là điểm hạn chế của kênh liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.



Hình 2: thời hạn hợp đồng trung bình với nhà cung cấp (tháng)
Ghi chú: DNNN: doanh nghiệp nhà nước, TNNH: công ty trách nhiệm hữu hạn, Cty CP, không có vốn...: công ty cổ phần không có vốn nước ngoài, Cty CP, có vốn NN: công ty cổ phần có vốn nước ngoài, DN 100% vốn FDI: doanh nghiệp 100% vốn FDI, Liên doanh (DNNN và...: liên doanh doanh nghiệp nhà nước và nước ngoài (nguồn: kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2013 của CIEM)

Cũng theo số liệu điều tra của CIEM cho thấy, nguồn cung cấp nguyên liệu cho các doanh nghiệp FDI của các doanh nghiệp trong nước chỉ chiếm khoảng 1/3 tổng số nguồn cung cấp. Xét về kênh phân phối sản phẩm cho thấy, tỷ lệ sản phẩm mà các doanh nghiệp FDI phân phối qua các doanh nghiệp trong nước tương đối thấp. Điều này cũng thể hiện sự hạn chế của kênh lan tỏa công nghệ từ các doanh nghiệp FDI cũng như sự hạn chế về năng lực hấp thụ công nghệ của các doanh nghiệp Việt Nam thông qua FDI.

Hạn chế của kênh lao động chuyển từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước

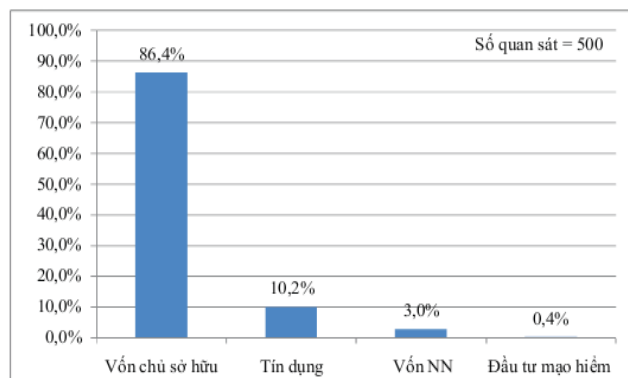
Một trong các chỉ tiêu thường được dùng để đo năng lực hấp thụ công nghệ là trình độ học vấn hoặc chuyên môn của người lao động trong các doanh nghiệp. Phần lớn doanh nghiệp trong nước là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hạn chế về trình độ lao động có chuyên môn, có thể hấp thụ công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Kênh di chuyển lao động có kỹ năng chuyển từ doanh nghiệp FDI sang doanh nghiệp trong nước được coi là một kênh quan trọng có thể tạo ra tác động lan tỏa công nghệ tích cực. Có hai cách để tạo ra tác động lan tỏa và hấp thụ công nghệ theo kênh này, đó là lao động rời khỏi doanh nghiệp FDI để thành lập công ty riêng hoặc chuyển vào làm cho các doanh nghiệp trong nước, nhất là các doanh nghiệp trong cùng ngành.

Tuy nhiên, theo số liệu điều tra của CIEM, hơn 30% số doanh nghiệp FDI được khảo sát cho rằng, lao động đã chuyển đi chủ yếu là tới các doanh

ngiệp FDI khác; hơn 20% cho rằng, số lao động này tự mở công ty riêng và chỉ có gần 20% cho rằng, lao động chuyển đi làm cho các doanh nghiệp trong nước cùng ngành.

Hạn chế về năng lực R&D của doanh nghiệp

Theo điều tra của CIEM năm 2013, chi phí dành cho hoạt động R&D của các doanh nghiệp tại Việt Nam từ chủ sở hữu chiếm hơn 86%, từ nguồn tín dụng khoảng 10%, từ nguồn vốn ngân sách nhà nước chỉ khoảng 3% (hình 3). Cũng theo điều tra của CIEM, các doanh nghiệp FDI chi tiêu cho hoạt động R&D cao gấp 3 lần so với các doanh nghiệp trong nước. Hơn nữa các doanh nghiệp trong nước chủ yếu là các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tiềm lực về tài chính hạn chế so với các doanh nghiệp FDI. Điều này thể hiện sự hạn chế khả năng đầu tư cho R&D và năng lực nghiên cứu phát triển công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam so với doanh nghiệp FDI.



Hình 3: tỷ lệ chi cho R&D của doanh nghiệp tại Việt Nam (nguồn: kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2013 của CIEM)

Do vậy, điều kiện cho tác động lan tỏa công nghệ sẽ khó khăn hơn do chênh lệch công nghệ quá lớn. Vì vậy, muốn hấp thụ được công nghệ từ doanh nghiệp FDI thì bản thân doanh nghiệp trong nước phải vươn lên để thu hẹp chênh lệch trình độ công nghệ với các doanh nghiệp FDI thông qua năng lực R&D của mình.

Điều kiện nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp Việt Nam

Các điều kiện về chính sách, luật pháp

Cho đến nay, không còn nghi ngờ gì về vai trò của FDI đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, lý thuyết và thực tiễn cho



Một góc của Công ty TNHH Samsung Electronic tại Việt Nam
(Ảnh: Kinh doanh và Pháp luật)

thấy, mục tiêu của các nhà đầu tư, đặc biệt là các nhà đầu tư FDI bao giờ cũng là lợi nhuận nên sẽ có nhiều khác biệt với các mục tiêu của nước chủ nhà. Các nhà đầu tư nước ngoài chỉ đầu tư vào những dự án sử dụng được lợi thế của họ và khai thác những hấp dẫn của nước chủ nhà để thu lợi nhuận cao, trong khi nước chủ nhà lại mong muốn sử dụng FDI để giải quyết nhiều vấn đề của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Do vậy, cần kịp thời xây dựng và linh hoạt sửa đổi các cơ chế, chính sách, nhất là chính sách thuế để hướng các doanh nghiệp FDI vào trúng các lĩnh vực nước ta cần trong thời kỳ đổi mới.

Đối với những lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, cần có những chính sách ưu đãi về thuế để khuyến khích thu hút các doanh nghiệp FDI, bên cạnh đó cần kiên quyết từ chối những nhà đầu tư sử dụng những công nghệ cũ, lạc hậu, tiêu tốn nhiều năng lượng và gây ô nhiễm môi trường... FDI chỉ phát huy hiệu quả cao hơn, đạt được sự bền vững tốt hơn đối với nền kinh tế Việt Nam khi các dự án FDI tạo được nhiều liên kết với các ngành sản xuất nội địa, nâng cao phần giá trị gia tăng và đẩy mạnh tác động lan tỏa tới các doanh nghiệp trong nước. Mặt khác, chúng ta cần có chính sách để thúc đẩy các doanh nghiệp trong nước nâng cao được năng lực hấp thụ và đổi mới công nghệ của mình thông qua các quỹ đầu tư cho R&D, chính sách miễn giảm thuế cho các doanh nghiệp tích cực đầu tư cho hoạt động R&D.

Điều kiện về năng lực R&D

Quá trình chuyển giao công nghệ được thực hiện qua ba giai đoạn: tiếp nhận, ứng dụng và phổ biến. Thông qua FDI, hai giai đoạn đầu của quá trình này người bản địa có thể thực hiện được, chỉ có giai đoạn cuối cùng là khó khăn hơn, chứng tỏ các công ty xuyên quốc gia không chuyển giao kỹ năng R&D cho người bản địa. Chính vì vậy, để tiếp nhận và đổi mới công nghệ thành công, các doanh nghiệp

trong nước trước mắt cần có sự liên kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trường đại học để thúc đẩy hoạt động R&D nhằm đổi mới công nghệ cho doanh nghiệp của mình.

Tại Việt Nam, phần lớn các viện R&D quan trọng đều thuộc Nhà nước. Tuy nhiên, các viện này hoạt động khá tách biệt với các chủ thể đổi mới khác, ít có sự giao lưu, gắn kết và không chia sẻ những vấn đề cần học hỏi và nghiên cứu với nhau, đặc biệt ít có mối liên kết với các doanh nghiệp. Chính vì vậy, hiện nay có sự bất cập giữa năng lực của các viện R&D với nhu cầu về công nghệ của các doanh nghiệp.

Điều kiện về nguồn lực tài chính

Theo các chuyên gia kinh tế, hiện Việt Nam có khoảng 500.000 doanh nghiệp với trên 90% là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Thời gian qua, ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế khiến doanh nghiệp Việt Nam ngày càng “teo tóp”. Chỉ tính 6 tháng đầu năm 2014 đã có 5.000-6.000 doanh nghiệp giải thể hoặc phá sản vì những khó khăn chủ quan và khách quan. Dự báo trong thời gian tới, doanh nghiệp sẽ càng khó khăn hơn khi sân chơi càng mở rộng, khi Việt Nam chính thức tham gia các hiệp định song phương và đa phương với các nước. Khó khăn lớn nhất đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ hiện nay là vốn. Theo Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa thì có tới 80% doanh nghiệp vừa và nhỏ có vốn điều lệ dưới 7 tỷ đồng. Khoảng 90% doanh nghiệp phải đi vay vốn ngân hàng, việc tự huy động vốn để đầu tư phát triển sản xuất rất khó khăn do hầu hết các doanh nghiệp này không đủ điều kiện để vay ngân hàng hay tiếp cận các tổ chức tài chính quốc tế, càng khó hơn khi tham gia vào thị trường vốn...

Rõ ràng, việc đổi mới công nghệ nói chung và hấp thụ công nghệ qua FDI nói riêng phụ thuộc vào tiềm lực tài chính của doanh nghiệp. Theo các nghiên cứu của Coe và Helpman (1995) về ảnh hưởng của sự lan truyền R&D quốc tế dựa vào số liệu của các nước OECD đã phát hiện ra rằng, R&D trong nước và nước ngoài góp phần làm tăng TFP trong OECD và các nước phát triển. Tuy nhiên, ảnh hưởng của hoạt động R&D nước ngoài phụ thuộc rất nhiều vào quy mô, tiềm lực tài chính của doanh nghiệp cũng như quy mô của quốc gia.

Các doanh nghiệp của Việt Nam hiện nay có thể tăng cường tiềm lực tài chính cho đổi mới công nghệ

thông qua sự hỗ trợ của Nhà nước với các quỹ như: đầu tư đổi mới công nghệ, đầu tư mạo hiểm; các chương trình trực tiếp hoặc gián tiếp hỗ trợ doanh nghiệp như: Chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020, Chương trình hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2011-2015, Chương trình sản phẩm quốc gia đến năm 2020, Chương trình phát triển công nghệ cao năm 2020, Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp KH&CN và tổ chức KH&CN công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm...

Điều kiện về nhân lực

Con người luôn là nhân tố quyết định sự thành công hay thất bại trong các doanh nghiệp nói chung và trong đổi mới công nghệ của doanh nghiệp nói riêng. Nhật Bản, Hàn Quốc và Đài Loan đã rất thành công trong hoạt động sao chép công nghệ thông qua đội ngũ lao động có trình độ kỹ thuật cao. Với thực trạng nguồn nhân lực còn yếu, đặc biệt trong việc hấp thụ công nghệ như hiện nay đòi hỏi các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải chủ động phát triển nguồn nhân lực của chính mình. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, di chuyển lao động một cách chủ động là một giải pháp giúp cho các doanh nghiệp của Hàn Quốc có được đội ngũ lao động có thể sao chép được nhiều công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực điện, điện tử và đồ gia dụng. Ví dụ, trong những năm 60, Samsung đã gửi công nhân tới các nhà máy thuộc sở hữu của hãng NEC và Sanyo để được đào tạo trong lĩnh vực sản xuất máy thu thanh và vô tuyến truyền hình. Tương tự, các hãng của Hồng Kông, Đài Loan đều liên doanh

với Sanyo để sản xuất máy thu thanh và điều hòa nhiệt độ.

Để hiểu và hấp thụ được công nghệ, doanh nghiệp cần có đủ điều kiện không những về năng lực R&D, tài chính mà còn là chất lượng của các nhà quản lý và đội ngũ lao động kỹ thuật. Nếu mặt bằng học vấn thấp thì khả năng cải tiến công nghệ cũng rất thấp. Điều kiện cần để một doanh nghiệp tiếp thu công nghệ thành công là phải có một đội ngũ nhân công có kỹ năng cao. Nhiều nghiên cứu cũng đã chỉ ra rằng, một doanh nghiệp muốn tiếp nhận công nghệ phải có nguồn nhân lực có trình độ nhất định trong việc hấp thụ công nghệ.

*

* *

Giải quyết các khâu then chốt về chính sách, nguồn lực cả từ phía vĩ mô và doanh nghiệp sẽ vừa thúc đẩy quá trình phát triển kinh tế - xã hội trong nước, vừa gia tăng tính hấp dẫn của môi trường đầu tư ở Việt Nam. Mặt khác, các doanh nghiệp FDI cần được coi là những nguồn lực đáng kể đối với khoa học - công nghệ và hạ tầng cơ sở trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Việt Nam đến năm 2020. Mặc dù còn nhiều hạn chế, nhưng FDI vẫn đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, vai trò của FDI chỉ thực sự quan trọng nếu được sử dụng có hiệu quả cao, tạo được những tác động lan tỏa tích cực, đặc biệt trong tác động phổ biến, chuyển giao công nghệ và tạo được sự phát triển bền vững

Tài liệu tham khảo

1. Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương (2014), *Năng lực cạnh tranh và công nghệ ở cấp độ doanh nghiệp tại Việt Nam: kết quả điều tra năm 2013*, Nxb Tài chính, Hà Nội.
2. Nguyễn Quang Hồng, Lê Quốc Hội (2009), *Lan tỏa và hấp thụ công nghệ từ doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài sang doanh nghiệp Việt Nam: thực trạng và giải pháp*, Nxb Thống kê, Hà Nội.
3. Trần Văn Tùng (2007), *Đông Á đổi mới công nghệ để tham gia vào mạng lưới sản xuất toàn cầu*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Coe D, Helpman E (1994), *International R&D spillovers*, European Economic Review, Vol 39, 859-887.
5. Kim (1998), *Crisis construction and organizational learning capability building in catching up at Hyundai motor*, Organization Science 9.



Dây chuyền lắp ráp của Honda Việt Nam

(Ảnh: Báo Đầu tư)